| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ CÀ MAU**<br>**TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 244/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 18 – 10 – 2017
V/v "Tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn"

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Hứa Minh Hải

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Hoàng Kha
2. Ông Nguyễn Văn Chiến

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Lê Thúy Dung, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 18 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 767/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 774/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự.

*1. Nguyên đơn:* Anh Hồ Hải L, sinh năm: 1990, (có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện L, tỉnh Cà Mau.

*2. Bị đơn:* Chị Dương Hằng N, sinh năm: 1992, (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 02, Trần Hưng Đạo, khóm 6, phường K, thành phố P, tỉnh Cà Mau.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, anh Hồ Hải L trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Dương Hằng N xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau từ năm 2010, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống khoảng 02 năm đầu có hạnh phúc, đến năm 2013 phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng anh luôn bất đồng ý kiến, thường xuyên cự cãi, không thể hòa hợp được với nhau nên anh và chị N đã tự ly thân từ cuối năm 2013 đến nay.

Từ nội dung trên, anh L nhận thấy tình cảm của anh và chị N không còn, không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống và duy trì mối quan hệ vợ chồng nên anh

yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

- Về con chung: Anh L xác định giữa anh và chị N có một người con chung tên Hồ Ái L, sinh ngày 24/9/2011, hiện cháu L đang sống với chị N. Khi giải quyết mối quan hệ hôn nhân của anh và chị N, anh đồng ý giao con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ.

- Về tài sản chung: Anh L xác định giữa anh và chị N không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh L khai rằng giữa anh và chị N không có nợ chung.

Tại bản tự khai và đơn yêu cầu không tham gia tố tụng ngày 09/10/2017, bị đơn Dương Hằng N trình bày: Về quan hệ hôn nhân, về mâu thuẫn vợ chồng, về con chung, tài sản chung, nợ chung chị N thống nhất với lời trình bày của anh L. Do đó, việc anh L xin ly hôn với chị, chị đồng ý ly hôn cùng anh L.

Vì bận công việc nên chị N yêu cầu Tòa án đưa vụ án ra xét xử sớm, chị xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Quan hệ hôn nhân giữa anh L và chị N không đăng ký kết hôn theo quy định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau được quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với việc xin vắng mặt trong quá trình tố tụng của chị Dương Hằng N, Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị N theo luật định là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Trên thực tế, anh Hồ Hải L và chị Dương Hằng N có quen biết nhau và nảy sinh tình cảm, sau đó tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010 đến cuối năm 2013, tuy có đủ điều kiện kết hôn nhưng anh, chị không có đăng ký kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân của anh, chị đã vi phạm về đăng ký kết hôn được quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Cho nên việc kết hôn là không thỏa mãn về mặt hình thức, nay anh L yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân do có nhiều mâu thuẫn, về mục đích hôn nhân không đạt. Bởi lẽ, trong thời gian chung sống vài năm trước đây, anh, chị luôn nghi kỵ, không tin tưởng nhau rồi thường xuyên cải vã, gây bất hòa với nhau mà không bên nào có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn. Bên cạnh đó, anh L và chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh, chị đã tự ly thân từ năm 2013 đến nay. Theo quy định tại điểm b khoản 3 của Nghị quyết 35 của Quốc hội quy định: Kể từ ngày 01/01/2001 trở đi, nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì Tòa án áp dụng khoản 2 và khoản 3 Điều 17 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Mặt khác, căn cứ khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01 ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp thì trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có

yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ. Nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con ... thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 của Luật hôn nhân và gia đình. Xét mâu thuẫn thực tế của vợ chồng anh, chị đến mức trầm trọng, đời sống chung hiện tại cũng không còn nên mục đích hôn nhân không đạt được, đồng thời hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức nên không được công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh L và chị N xác định giữa anh, chị có một người con chung tên Hồ Ái L, sinh ngày 24/9/2011, hiện cháu L đang sống với chị N. Khi giải quyết mối quan hệ hôn nhân của anh, chị, anh L đồng ý giao con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, anh L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ theo yêu cầu của chị N.

Xét thấy, việc tự nguyện thỏa thuận giữa anh L và chị N là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Anh L không trực tiếp nuôi con vẫn được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Anh L và chị N xác định giữa anh, chị không có tài sản chung nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh L và chị N khai rằng giữa anh, chị không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Anh Hồ Hải L là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đồng thời, anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Anh Hồ Hải L và chị Dương Hằng N được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 17 của Luật Hôn nhân và gia đình 2000;

- Áp dụng các Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Áp dụng điểm b khoản 3 của Nghị quyết 35 của Quốc hội và khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01 ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp;

- Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1 - Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Hồ Hải L và chị Dương Hằng N.

2 - Về con chung: Chấp nhận sự tự nguyện của anh Hồ Hải L là giao cháu Hồ Ái L, sinh ngày 24/9/2011 cho chị Dương Hằng N tiếp tục nuôi dưỡng; anh Hồ Hải

L tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu L mỗi tháng 1.000.000đ, thời hạn cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Anh L không trực tiếp nuôi cháu L vẫn được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh L không tự nguyện thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, thì hàng tháng phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

3 - Về tài sản chung: Anh L và chị N xác định không có nên không đặt ra xem xét.

4 - Về nợ chung: Anh L và chị N khai không thiếu nợ ai và không ai nợ lại anh, chị nên không đề cập giải quyết.

5 - Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Anh Hồ Hải L phải chịu 300.000đ. Án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh L phải chịu 300.000đ. Ngày 02 tháng 10 năm 2017, anh L đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau theo biên lai số 3722 được đối trừ chuyển thu sung công quỹ nhà nước. Anh L phải nộp tiếp 300.000đ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

6 - Về quyền kháng cáo: Anh Hồ Hải L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Dương Hằng N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- VKSND Tp.Cà Mau;
- THADS Tp.Cà Mau;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Hứa Minh Hải**